

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Bộ luật hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 01 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành Danh mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Trong một sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm chỉ được sử dụng tối đa 02 loại kháng sinh quy định trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp sử dụng 02 loại kháng sinh phải có căn cứ khoa học.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng premix có hàm lượng kháng sinh không vượt quá 20% để trộn vào thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm với hàm lượng theo quy định tại Thông tư này; không được sử dụng vào mục đích khác.

3. Kháng sinh sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này chỉ được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm đang được phép lưu hành tại Việt Nam có chứa hóa dược, kháng sinh không đáp ứng quy định tại Thông tư này chỉ được phép lưu hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2016.
2. Thông tư này thay thế các quy định về kháng sinh, hóa dược dùng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Thông tư số 81/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục trưởng Cục Chăn nuôi chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh doanh, sử dụng sản phẩm premix và thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm có chứa kháng sinh quy định trong Thông tư này.
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)
Vũ Văn Tám

**DANH MỤC, HÀM LƯỢNG KHÁNG SINH ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TRONG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM VỚI MỤC ĐÍCH KÍCH THÍCH
SINH TRƯỞNG TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Tên kháng sinh	Hàm lượng (tối thiểu - tối đa) cho phép sử dụng trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (mg kháng sinh/kg thức ăn)			Hàm lượng (tối thiểu - tối đa) cho phép sử dụng trong thức ăn hỗn hợp cho bê dưới 6 tháng tuổi (mg kháng sinh/kg thức ăn)
		Gà, chim cút (từ 1 đến 28 ngày tuổi)	Gà, chim cút đẻ trứng giống	Lợn nhỏ hơn 60 kg thể trọng)	
1	Bambermycins	1 - 2	1 - 2	2 - 4	1 - 4
2	BMD (Bacitracin Methylene-Disalicylate)	4 - 50	10 - 25	10 - 30	15 - 20
3	Chlortetracycline	10 - 50	*	10 - 50	10 - 50
4	Colistin sulphate	2 - 20	*	2 - 20	5 - 40
5	Enramycin	1 - 10	*	2,5 - 20	*
6	Kitasamycin	5 - 11	*	50 - 55	*
7	Lasalocid sodium	68 - 113	*		10 - 30
8	Lincomycin	2 - 4	*	10 - 20	*
9	Monensin	90 - 110	90 - 110	*	5 - 40
10	Narasin	*	*	15 - 30	*
11	Neomycin sulphate	10 - 50	*	10 - 50	15 - 20
12	Nosiheptide	2 - 4	*	2,5 - 20	*
13	Salinomycin sodium	40 - 60	*	*	10 - 30
14	Tylosin phosphate	4 - 50	*	20 - 40	20 - 30
15	Virginiamycin	5 - 15	*	5 - 10	10 - 22

Ghi chú: Ký hiệu "" là không được phép sử dụng.*